

Bản án số: 33 /2022/HNGĐ - ST

Ngày: 15 - 9- 2022

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nông Khắc Huy
2. Bà Dương Thị Thu Hằng
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lưu Mạnh Hùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Hoàng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 84/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1986

HKTT: Xóm CL, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Nơi ở hiện nay: Tổ 5, thị trấn TC, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh K, sinh năm 1982

HKTT và nơi ở hiện nay: Xóm TT, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

(Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh K kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn chị và anh K chung sống tại xóm TT, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì anh K thường xuyên tụ tập đánh bạc với bạn bè mà bản thân chị và gia đình không hay biết. Đến năm 2015 anh bị bắt về hành vi đánh bạc thì gia đình mới rõ. Sau sự việc đó gia đình cũng khuyên bảo nhưng anh vẫn không tu chí làm ăn để chăm lo vun vén cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc.

Năm 2016 mâu thuẫn vợ chồng chị càng trở nên căng thẳng hơn và hai vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay, anh K từ đó cũng không quan đến gia đình, vợ con mà chỉ quan tâm đến việc giao du với bạn bè. Nay chị xác định cuộc hôn nhân giữa chị và anh K đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa nên chị khởi kiện ly hôn anh K, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K để khỏi ràng buộc nhau về quan hệ hôn nhân, cho chị cuộc sống yên ổn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Thanh P, sinh ngày 20/01/2009. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 22/7/2022 của con chung trên 7 tuổi, con chung Nguyễn Hoàng Thanh P, sinh ngày 20/01/2009 cho biết khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở cùng với mẹ để tiện cho việc sinh hoạt và học tập thường ngày của cháu vì hiện nay cháu vẫn được mẹ nuôi dưỡng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đ đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho anh K đến Tòa án viết bản tự khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải với chị T nhưng anh K không có mặt tại gia đình, do vậy cán bộ Tòa án đã tổng đạt qua người thân theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định. Do anh K không hợp tác giải quyết vụ án nên Tòa án không xác định được lời khai của anh K về các mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và cũng không tiến hành hoà giải được.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ tại địa phương nơi cư trú của anh K về tình trạng hôn nhân. Ông Nguyễn Hữu N- là cha đẻ của anh K cung cấp: Sau khi anh K chị T tìm hiểu nhau, gia đình có làm đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới xong, anh K và chị T về ở cùng bố mẹ

chồng tại xóm TT, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng anh K chị T sống hạnh phúc, ở với nhau một thời gian hai vợ chồng xảy ra xích mích, chị T chuyển ra ngoài ở riêng từ năm 2015 cho đến nay. Anh K và chị T có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Thanh P, sinh ngày 20/01/2009. Hiện cháu đang học lớp 8 và ở cùng mẹ ở xóm CL, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Việc chị T có đơn xin ly hôn anh K do anh K và chị T quyết định, ông bà không tham gia can thiệp, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Hiện nay anh K đi làm ăn không có nhà, các giấy tờ của Tòa án tổng đạt qua ông bà thì ông bà đã thông báo và giao cho anh K, còn anh K có về Tòa án để tham gia giải quyết việc ly hôn với chị T được hay không ông bà không được biết.

Toà án đã xác minh tại Công an xã TL, huyện Đ về hộ khẩu thường trú của anh Nguyễn Thanh K tại xóm TT, xã TL, huyện Đ. Ông Nguyễn Văn D- Phó trưởng Công an xã TL, huyện Đ cung cấp thông tin: Anh Nguyễn Thanh K, sinh năm 1982 cùng hộ khẩu với chủ hộ Bà Thân Thị L (mẹ đẻ) sổ sổ hộ khẩu 05704000788 thuộc xóm TT, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Hiện nay anh K không có mặt tại địa phương còn anh K đi đâu làm gì và ở đâu thì xã không nắm được

Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh K nhưng anh K không có nhà nên đã giao cho ông Nguyễn Hữu N là cha đẻ nhận thay và cam kết giao tận tay anh K tuy nhiên các phiên họp theo Thông báo của Tòa án anh K vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tòa án lập biên bản không hòa giải được theo quy định Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử công khai tại phiên tòa hôm nay.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án, người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa xác định:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Thanh K kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T trình bày mâu thuẫn vợ chồng do anh K ham cờ bạc, không chịu khó tu chí làm ăn, chăm sóc gia đình vợ con. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, cả hai sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử

chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Hoàng Thị T, cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh K là phù hợp Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

+ Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hoàng Thanh P, sinh ngày 20/01/2009 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng: Đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết vì chị T không có yêu cầu.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết do chị T không yêu cầu.

+ Án phí: Chị Hoàng Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước.

+ Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về tố tụng:** Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Hoàng Thị T với bị đơn anh Nguyễn Thanh K, cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh Nguyễn Thanh K theo quy định Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp cho cá nhân, các văn bản tố tụng của Tòa án đã được tổng đạt cho anh Nguyễn Thanh K thông qua người thân ở cùng nhà và có cùng hộ khẩu nơi cư trú, tuy nhiên, anh Nguyễn Thanh K không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án; do vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử công khai. Tại phiên tòa lần thứ hai anh Nguyễn Thanh K vắng mặt không có lý do là không có ý thức chấp hành pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn - anh Nguyễn Thanh K theo quy định của pháp luật.

*** Về nội dung vụ án:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Thanh K kết hôn năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Lý do ly hôn theo chị T trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng chị T và anh K chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ của anh K tại xóm TT, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, khoảng năm 2015 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên

nhân do anh K sa đà vào cờ bạc không chăm lo cho gia đình. Đến năm 2016, do vợ chồng mâu thuẫn gay gắt, nên hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Từ khi chị và anh K sống ly thân đến nay cả hai bên đều không quan tâm đến nhau. Nay chị T xác định không còn yêu thương anh K, tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh K để ổn định cuộc sống. Khi chị T gửi đơn ly hôn ra Tòa án, được Tòa án thụ lý hồ sơ và triệu tập các bên đến Tòa viết bản tự khai nhưng anh K không hợp tác giải quyết vụ án.

HĐXX xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh K đã sống ly thân từ năm 2016, cả hai bên không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà để mặc cho tình trạng vợ chồng sống ly thân đến nay đã 6 năm, hai bên không quan tâm gì đến nhau là vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Nội dung điều luật quy định: **“Điều 19. Tình nghĩa vợ chồng.**

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung K, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”

Như vậy xác định tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Vì vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Hoàng Thị T, cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thanh K là phù hợp với thực tế và Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Thanh P, sinh ngày 20/01/2009. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại chị T có chỗ ở và có thu nhập ổn định đảm bảo các điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ngoài ra, Tòa án không thu thập được lời khai, quan điểm của anh K về việc nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con phù hợp với ý chí, nguyện vọng của cháu P là có nguyện vọng được ở với mẹ, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung sau khi vợ chồng ly hôn HĐXX giao cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Nguyễn Hoàng Thanh P, sinh ngày 20/01/2009 đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác.

* *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nên HĐXX không giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con.

* *Quyền đi lại thăm nom con chung:* Anh K có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết

các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng cho con chung;

[3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết phần tài sản chung, nợ chung. Anh K không hợp tác giải quyết vụ án nên không thu thập được ý kiến, quan điểm của anh K nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án ly hôn này. Khi các đương sự có yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác, kèm theo các tài liệu chứng cứ để chứng minh.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Hoàng Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước.

[5]. Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 482, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Luật thi hành án dân sự

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Hoàng Thị T, cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh K. Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Thanh K chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng Thanh P, sinh ngày 20/01/2009 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác.

* *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị T không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con.

* *Quyền đi lại thăm nom con chung:* Anh Nguyễn Thanh K có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của

con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng cho con chung;

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án ly hôn này.

4. Án phí: Chị Hoàng Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0005365 ngày 11/7/2022** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Chị Hoàng Thị T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Hoàng Thị T, vắng mặt anh Nguyễn Thanh K. Báo cho chị T biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND nơi ĐKKH năm 2008, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Mai Thị Hồng Thái